

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

VÕ THÀNH ĐỦ

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ ĐỐI VỚI
CÁC TỘI PHẠM VỀ HỐI LỘ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 9.38.01.04**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2018

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. ĐINH XUÂN NAM
2. TS. LÊ THÀNH DƯƠNG**

Phản biện 1: PGS.TS. TRẦN ĐÌNH NHÃ

Phản biện 2: PGS.TS. CAO THỊ OANH

Phản biện 3: PGS.TS. TRẦN HỮU TRÁNG

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ họp tại:
Học viện Khoa học xã hội

hồi giờ ngày tháng năm 2018

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Thư viện quốc gia

Thư viện Học viện Khoa học xã hội

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa các tội phạm về hối lộ trên địa bàn tỉnh Long An*, Tạp chí Kiểm sát, ISSN: 0866-7357 số 21, tháng 11 năm 2014.
2. *Viện kiểm sát nhân dân với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng, hối lộ*, Tạp chí Kiểm sát, ISSN: 0866 - 7357 số 04, tháng 02 năm 2015.
3. *Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong kiểm sát điều tra, truy tố các tội phạm về hối lộ*, Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756, số 6, tháng 5 năm 2017.
4. *Kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng – hối lộ của một số nước trên thế giới*, Tạp chí Kiểm sát, ISSN: 0866 – 7357 số 12, tháng 6 năm 2017.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu thế hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường, tình hình tội phạm về hối lộ diễn ra hết sức phức tạp, tinh vi; số lượng vụ việc tội phạm ngày một tăng, mặt khác còn thể hiện tính đặc thù cơ bản, gây nhiều khó khăn cho công tác thực hành quyền công tố. Tội phạm về hối lộ thể hiện ở những đặc thù cơ bản như: loại tội phạm này diễn ra bằng lời nói và hành động trực tiếp không để lại hiện trường, thường không có người làm chứng, tội phạm diễn ra nhanh chóng; của hối lộ là tài sản, tiền bạc hoặc các lợi ích khác được chuyển giao bằng nhiều hình thức tinh vi. Ngay cả trường hợp tội phạm bị bắt quả tang, các đối tượng phạm tội vẫn chối tội vì có sự đồng thuận của các đối tượng.

Trong những năm vừa qua, ngành Kiểm sát đã phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng tấn công mạnh mẽ và có hiệu quả vào các tội phạm tham nhũng nói chung, tội phạm về hối lộ nói riêng và đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần to lớn trong việc giữ gìn và bảo đảm tình hình trật tự trị an, ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận. Công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc và bộc lộ một số tồn tại, thiếu sót như: kiểm tra xác minh chưa kịp thời; chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra chưa cao; thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can chưa chặt chẽ dẫn đến còn bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, làm oan người vô tội. Do đó, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề "*Thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ ở nước ta hiện nay*" làm đề tài luận án tiến sĩ nhằm giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với tội phạm về hối lộ ở Việt Nam là cấp thiết khách quan.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài luận án là nhằm tiếp cận một cách có hệ thống và toàn diện công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ trên cả hai bình diện lý luận và thực tiễn. Tìm ra nguyên nhân bất cập trong thực hành quyền công tố. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ ở nước ta.

Để đạt được mục tiêu nêu trên, đề tài luận án cần giải quyết các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

Một là, Khảo sát, đánh giá tình hình nghiên cứu ở trong và ngoài nước công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ của VKSND.

Hai là, Xây dựng những lý luận cơ bản tội phạm về hối lộ và hoạt động của VKSND trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra và xét xử sơ thẩm đối với các vụ án về hối lộ.

Ba là, Khảo sát thực trạng hoạt động của VKSND trong công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ thời gian qua. Tìm ra nguyên nhân của những kết quả đạt được và nguyên nhân của những tồn tại hạn chế cần khắc phục.

Bốn là, Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ ở nước Tòa án trong giai đoạn

hiện nay và thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận án tập trung vào những vấn đề sau đây: *Thứ nhất*, các công trình nghiên cứu khoa học, các sách chuyên khảo, các bài viết của các nhà khoa học các học giả trong nước và nước ngoài có liên quan trực tiếp đến chức năng thực hành quyền công tố của VKSND và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. *Thứ hai*, quan điểm của Đảng và nhà nước về chức năng thực hành quyền công tố của VKSND và đấu tranh phòng chống tội phạm về hối lộ; hệ thống pháp luật của Việt Nam trong lĩnh vực thực hành quyền công tố của VKSND đối với tội phạm về hối lộ; vấn đề về công tố, thực hành quyền công tố của VKSND. *Thứ ba*, diễn biến tình hình tội phạm về hối lộ, tổ chức lực lượng của VKSND trong việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đối với tội phạm về hối lộ; đánh giá kết quả thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đối với tội phạm về hối lộ của VKSND trong những năm vừa qua. *Thứ tư*, các biện pháp nhằm tăng cường công tác thực hành quyền công tố của VKSND đối với các tội phạm về hối lộ tron- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về thời gian: Đề tài nghiên cứu thực tiễn về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra và xét xử sơ thẩm các vụ án về hối lộ trong khoảng thời gian 10 năm từ năm 2007 đến 2016.

+ Về không gian: Địa bàn khảo sát, phân tích đánh giá được thực tiễn thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ trên phạm vi cả nước trong đó tập trung ở những tỉnh, thành phố trọng điểm, những ngành thường xảy ra tội phạm về hối lộ.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận của luận án là phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng, Nhà nước Tòa án trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và đấu tranh phòng, chống tội phạm về hối lộ nói riêng.

- Phương pháp nghiên cứu: Luận án được nghiên cứu bằng nhiều phương pháp khác nhau như: Phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh, điều tra xã hội học; bằng các biện pháp khảo sát, sử dụng biểu đồ minh họa; phỏng vấn, tọa đàm với các Kiểm sát viên, Điều tra viên, Thẩm phán có nhiều kinh nghiệm về đấu tranh phòng chống tội phạm về hối lộ; khảo cứu các văn bản, tài liệu có liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

5.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án đã góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận khoa học pháp lý chuyên ngành kiểm sát; làm rõ nội dung có tính đặc thù của công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ nhằm góp phần nâng cao nhận thức lý luận về vị trí, vai trò của VKSND trong đấu tranh phòng chống tội phạm về hối lộ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố của ngành kiểm sát.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nghiệp vụ kiểm sát trong Trường Đại học kiểm sát Hà Nội; Trường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát tại thành phố Hồ Chí Minh; là nguồn tài liệu giúp CQĐT và VKSND tham khảo xây dựng qui chế phối hợp liên ngành trong phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm về hối lộ nói riêng; cung cấp cho các Kiểm sát viên kiến thức cơ bản, thao tác nghiệp vụ kiểm sát khi thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ.

6. Những đóng góp mới của luận án

Với phương pháp tiếp cận hiện đại, phương pháp tiếp cận liên ngành khoa học xã hội, luật hình sự, luật TTHS, khoa học điều tra tội phạm, xã hội học, tâm lý học...

Luận án là công trình chuyên khảo nghiên cứu một cách có hệ thống, trong đó hoàn thiện về lý luận và thực tiễn công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ, những kết quả rút ra qua nghiên cứu của luận án có đóng góp mới cho khoa học chuyên ngành cụ thể là:

- Bổ sung, hoàn thiện những vấn đề lý luận về công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ và vị trí, vai trò của VKSND trong đấu tranh phòng chống loại tội phạm này.

- Xây dựng những khái niệm, nội dung, phương pháp cơ bản về thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ.

- Phân tích làm rõ các dấu hiệu mang tính đặc thù của các tội phạm về hối lộ.

- Khảo sát, thống kê, đánh giá tình hình và tập trung nghiên cứu sâu một số hoạt động thực hiện công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ.

- Nghiên cứu đề xuất bổ sung những quy định về thể chế, cơ chế để bảo đảm cho việc thực hiện công tác thực hành quyền công tố đối với tội phạm về hối lộ có hiệu quả.

7. Kết cấu của luận án:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung của luận án được kết cấu thành bốn chương như sau:

Chương 1: Tình hình nghiên cứu đề tài và những vấn đề có liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2: Những vấn đề lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố đối với các loại tội phạm về hối lộ.

Chương 3: Thực trạng thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ ở nước ta.

Chương 4: Các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ ở nước ta.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu

1.1.1. Các công trình nghiên cứu của nước ngoài

- Các công trình nghiên cứu về vị trí, vai trò, chức năng của Viện Kiểm sát/ Viện công tố, các luận án tiến sĩ nước ngoài.

Đối với các quốc gia tại khu vực Đông Nam Á: Tại Indonesia, *Công trình nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp Indonesia* (2010) của TS.Simon Butt, Đại học Sydney phân tích Luật Công tố viên 2004 của Indonesia: "*Công tố viên trực tiếp tiến hành điều tra các tội phạm liên quan đến tham nhũng, buôn lậu và lật đổ chính quyền. Công tố viên phối hợp với Điều tra viên cảnh sát hoàn tất hồ sơ vụ án, bao gồm cả điều tra bổ sung trước khi chuyển hồ sơ cho Tòa án*" [64].

Các công trình nghiên cứu đã chỉ ra các quy định về TTHS còn nhiều bất cập, sự hợp tác và mối quan hệ giữa Công tố viên và Điều tra viên thuộc lực lượng Cảnh sát. Lực lượng Cảnh sát và Công tố thường chỉ trích nhau về tình trạng thiếu năng lực trong giai đoạn điều tra.

Luận án tiến sĩ của Tony Paul Marguery, “*Sự thống nhất và đa dạng của các cơ quan công tố tại châu Âu*” là công trình nghiên cứu chuyên sâu về Cơ quan công tố của bốn quốc gia châu Âu bao gồm Pháp, Hà Lan, Ba Lan và Cộng hòa Séc [69]. Kết quả nghiên cứu của công trình về hoạt động của cơ quan công tố như sau:

Cộng hòa Pháp, Viện công tố Pháp có tư cách đại diện cho xã hội, trách nhiệm chính là tìm kiếm, đòi hỏi các hoạt động điều tra phải tuân thủ đúng pháp luật khi điều tra các tội phạm, bảo vệ lợi ích chung của xã hội.

Hà Lan, Công tố viên thực hành quyền công tố và phải giám sát giai đoạn điều tra các vụ án hình sự, đặc biệt các vụ án hối lộ, tham ô cũng như các vụ án kinh tế, chức vụ. Công tố viên có thể đề ra yêu cầu cho tất cả những người tham gia tố tụng. Công tố viên bảo đảm việc điều tra chỉ tập trung vào những vấn đề liên quan thực hành quyền công tố.

Ba Lan, Cảnh sát tiến hành tất cả hoạt động điều tra. Cảnh sát không có nghĩa vụ thông báo cho Công tố viên về việc nhận được tin báo tội phạm, trừ khi tin báo này liên quan đến các tội phạm mà bắt buộc Công tố viên phải trực tiếp điều tra.

Cộng hòa Séc, Cảnh sát có nghĩa vụ thông báo kịp thời với Công tố viên về việc phát hiện tội phạm. Công tố viên có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát toàn bộ hoạt động điều tra.

- *Sách chuyên khảo, báo cáo và bài viết có liên quan đến đề tài luận án*

Sách chuyên khảo của tác giả P.J.P. Tòa án (2008), “*Hệ thống TTGHS Hà Lan*”. Trong tác phẩm này, tác giả nêu lên một thực trạng là ở giai đoạn trước, cơ quan Công tố Hà Lan đã không thực hiện chức năng kiểm sát các hoạt động điều tra một cách thích đáng [72].

Báo cáo thảo luận nhóm tại khóa đào tạo quốc tế lần thứ 107 của UNAFEI (năm 1997), “*Mối quan hệ giữa Cơ quan công tố với Cảnh sát và Trách nhiệm điều tra*”. Báo cáo này là kết quả của quá trình thảo luận chuyên sâu giữa mười chín quốc gia tham gia khóa đào tạo về mối quan hệ giữa Cảnh sát và Cơ quan công tố, trong đó có vai trò của Công tố viên trong việc khắc phục những khiếm khuyết và vấn đề mà Điều tra viên mắc phải. [75].

Sách chuyên khảo của Hiệp hội Công tố viên quốc tế (1999), “*Những tiêu chuẩn trách nhiệm nghề nghiệp và Tuyên bố về những nhiệm vụ và quyền hạn cốt yếu của công tố viên*” nhấn mạnh vai trò tích cực của Công tố viên trong quá trình TTHS. [74].

Sách chuyên khảo của tiến sĩ Despina Kyprianou (2008), “*Vai trò của Cơ quan công tố trong hoạt động điều tra và những nguyên tắc và chính sách công tố*” đã nghiên cứu vai trò của cơ quan Công tố trong hoạt động điều tra tại nhóm các quốc gia theo truyền thống luật án lệ và nhóm các quốc gia theo truyền thống pháp luật châu Âu lục địa. [68].

Sách chuyên khảo của Ủy ban Bộ trưởng - Hội đồng châu Âu (2000), “*Khuyến nghị về vai trò của cơ quan công tố trong hệ thống tư pháp hình sự*”, đã có những đề xuất cụ thể về mối quan hệ giữa Công tố viên và Cảnh sát; trong đó phải kiểm sát cả việc đảm bảo nhân quyền. [73].

Tài liệu chuyên khảo của Liên hợp quốc (1990), tại Havana, Cuba, “*Hướng dẫn về vai trò của công tố viên*” được thông qua tại Hội nghị lần thứ tám về phòng chống tội phạm và xử lý người phạm tội nhằm cung cấp các thông tin thiết thực và lý luận pháp lý để các quốc gia nghiên cứu đưa vào nội luật. [77].

Trong báo cáo Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc (2010), “*Báo cáo nghiên cứu về tổ chức và chức năng của hệ thống tư pháp ở năm quốc gia chọn lọc (Trung Quốc, Liên bang Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc và Indonesia)*”, nội dung của mỗi báo cáo

thành phần là cung cấp những thông tin cơ bản nhất về thực trạng và vấn đề cải cách tư pháp ở mỗi quốc gia được nghiên cứu. [62].

Bài tham luận của Jorg-Martin Jehle tại Hội nghị UNDP-POGAR Cairo (năm 2005), *“Chức năng của Cơ quan công tố từ góc nhìn so sánh tại châu Âu - Các nghiên cứu quốc tế có thể đóng góp cho sự phát triển tư pháp hình sự như thế nào”*. Ở hầu hết các nước châu Âu (trừ Anh và Ailen), Cơ quan công tố được xem như cơ quan đứng đầu trong hoạt động tư pháp hình sự đặc biệt ở giai đoạn điều tra, nghĩa là Cơ quan Công tố phải kiểm sát tất cả các bước điều tra tội phạm của Cảnh sát cho tới hoạt động tiến hành xét xử tại Tòa. [66].

Theo Báo cáo thảo luận nhóm tại Hội nghị quan chức cấp cao lần thứ 120 của Viện Phòng ngừa và xử lý tội phạm tại Khu vực châu Á và Viễn Đông của Liên Hiệp quốc (UNAFED), (2002), *“Sự hợp tác giữa Cảnh sát và các Công tố viên”* đã xác định phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan công tố ở các nước rất khác nhau. [76].

Báo cáo nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp Nhật Bản (2010) của PGS. Luke NotTòa án, Đại học Tổng hợp Sydney, GS. Kent Anderson, Đại học Quốc gia Úc, GS. Makoto Ibusuki, Đại học Tổng hợp Seijo, GS. David Johnson, Đại học tổng hợp Hawaii nghiên cứu, phân tích: Viện Công tố Nhật Bản, cũng có chức năng, nhiệm vụ rất quan trọng trong TTTHS [70].

1.1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

- Các sách chuyên khảo và luận án liên quan đến đề tài luận án

Võ Khánh Vinh (1996) *“Tìm hiểu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về chức vụ”* đây là một trong những cuốn sách đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu và phân tích các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về chức vụ được quy định trong BLHS 1985. Trong đó có các dấu hiệu của tội đưa hối lộ và nhận hối lộ, tội làm môi giới hối lộ, phân tích trách nhiệm hình sự của các tội phạm về chức vụ trong mối quan hệ với các loại tội phạm khác qua đó làm rõ tính đặc thù về trách nhiệm hình sự đối với những người phạm các tội phạm về chức vụ.

Tạp chí Kiểm sát (2011), *“VKSND trong tiến trình cải cách tư pháp”*, tập hợp nhiều bài phát biểu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và của ngành Kiểm sát về chức năng, nhiệm vụ của VKSND hiện tại và xu hướng đổi mới theo yêu cầu cải cách tư pháp.

Đỗ Ngọc Quang (2001), sách chuyên khảo *“Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan tiến hành TTTHS”*. Trên cơ sở pháp luật thực định, tác giả đã phân tích cơ sở pháp lý mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với Viện kiểm sát, Tòa án và các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp trong TTTHS; đồng thời, đề xuất các giải pháp hoàn thiện mối quan hệ này.

Lê Hữu Thế (2008), *“Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra”*, Nhà xuất bản Tư pháp, sách chuyên khảo đã đề cập các quan điểm và lý luận chung về chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đối tượng, phạm vi quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự trong giai đoạn điều tra.

Dương Thanh Biểu (2007), *“Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm”*, nhà xuất bản Tư pháp. Sách chuyên khảo đã tập trung làm rõ khái niệm, bản chất của tranh luận tại phiên tòa, vai trò của Kiểm sát viên với trách nhiệm là người thực hành quyền công tố tại Tòa.

Sách chuyên khảo của VKSND tối cao (1993), *“Đấu tranh chống và phòng ngừa tội tham ô, cố ý làm trái và hối lộ trong cơ chế thị trường”*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, đã chỉ ra những tác động tiêu cực phát sinh trong thời kỳ chuyển đổi cơ chế,

cụ thể một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên do giảm sút ý chí và phẩm chất cách mạng đã sa vào tệ nạn tham nhũng.

Tạp chí Kiểm sát (2007), “*Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng trong Bộ luật hình sự Việt Nam*”. Nội dung sách chuyên khảo nhận định tham ô, hối lộ là một hiện tượng xã hội thuộc phạm trù lịch sử, nó gắn liền với sự ra đời và phát triển của Nhà nước, còn Nhà nước là còn tham nhũng, không phân biệt chế độ kinh tế, chính trị, xã hội.

Nguyễn Tiến Sơn, (2012), Luận án tiến sĩ “*Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với VKS trong TTHS Việt Nam*”, tác giả đã nghiên cứu dưới góc độ lý luận một cách có hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về mối quan hệ giữa CQĐT và VKSND trong TTHS Việt Nam.

Lê Thị Tuyết Hoa, Luận án tiến sĩ luật học (năm 2005), với đề tài “*Quyền công tố ở Việt Nam*”, đã nghiên cứu những vấn đề lý luận về vấn đề quyền công tố ở một số nước trên thế giới và quyền công tố trong TTHS ở Việt Nam; Luận án đã xác định quyền công tố trong TTHS là “*Quyền của Nhà nước giao cho VKS thực hiện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, thực hiện sự buộc tội đối với người đó tại Tòa án*”.

Đào Lê Thu (2011), “*Các tội phạm về hối lộ theo luật hình sự Việt Nam trong sự so sánh với luật hình sự Thụy Điển và Ôt-xtray-li-a*”, Luận án tiến sĩ luật học. Luận án so sánh những dấu hiệu pháp lý của tội phạm về hối lộ theo luật hình sự Việt Nam, luật hình sự Thụy Điển và luật hình sự Ôt-xtray-li-a.

Tôn Thiện Phương (2017) “*Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An*”, luận án tiến sĩ luật học tác giả đã nghiên cứu phân tích chức năng thực hành quyền công tố, đối tượng, phạm vi của chức năng thực hành quyền công tố theo quy định của luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở đó luận án đã phân tích đánh giá thực trạng thực hành quyền công tố của VKSND theo quy định của luật TTHS đối với các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- *Các giáo trình, bài báo cáo, chuyên đề và bài viết có liên quan đến đề tài luận án*

Trường đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát (2004) “*Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, xét xử vụ án hình sự*”. Nội dung chủ yếu bao gồm kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra, truy tố các vụ án hình sự.

VKSND tối cao, đề tài khoa học cấp Bộ (2010), “*Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự*”. Tổng kết công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự từ năm 2005 đến tháng 06 năm 2010, nêu hạn chế và quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao chất lượng của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự;

VKSND tối cao (2015), “*Tài liệu hội nghị công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng*”. Báo cáo dựa trên những số liệu thống kê từ 01/12/2004 đến 31/05/2012 đề ra các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng công tác khởi tố, điều tra, truy tố các tội phạm có liên quan đến tham nhũng, bao gồm cả hối lộ.

Đinh Xuân Nam (năm 2003), bài viết “*Tìm hiểu công tác đấu tranh chống tham nhũng ở nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa hiện nay*”, Tạp chí kiểm sát số 4/2003. Tác giả đã nêu ra tình hình đặc điểm và xu thế tham nhũng ở quốc gia có trên

một tỉ dân, cùng với đó là hậu quả nghiêm trọng do hành vi tham nhũng, đặc biệt là hành vi hối lộ gây ra tại Trung Quốc.

Lê Hữu Thế, Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp bộ (nghiệm thu năm 2004) “*Vai trò của VKSND trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị*”. Nêu kết quả nổi bật từ việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã góp phần cùng Cơ quan điều tra trong hoạt động điều tra khắc phục tình trạng làm oan người vô tội và bỏ lọt tội phạm.

Lê Cẩm (2011), bài viết “*Về VKS Việt Nam*”, đã đề cập và phân tích chi tiết chức năng, nhiệm vụ, thiết chế Viện Công tố, VKS các nước trên thế giới; vị trí của VKSND trong bộ máy nhà nước Tòa án; tác giả khẳng định sự cần thiết phải duy trì vị trí hiện hành của VKSND trong hệ thống bộ máy nhà nước.

1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài cho thấy: Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài đã tiếp cận đa chiều, phong phú, sâu sắc đối với vấn đề về vai trò của cơ quan Công tố trong công tác thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ nói riêng. Mức độ tác động của cơ quan Công tố trong công tác thực hành quyền công tố các vụ án hình sự ở mỗi nước tuy có khác nhau. Nhưng qua nghiên cứu các công trình khoa học nói trên, có thể khẳng định các nước trên thế giới đều xác định sự cần thiết phải có chức năng thực hành quyền công tố ngay từ giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Đây có thể coi là mối quan hệ phối hợp và chế ước giữa hai cơ quan, trong đó có mối quan hệ chế ước một chiều của Cơ quan Công tố. Trước tình hình hiện nay cũng như yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế đang đặt ra; cần phải có nghiên cứu chuyên sâu.

1.3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của luận án

Thứ nhất, bổ sung và hoàn thiện những vấn đề lý luận về chức năng thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ; phương hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của VKSND theo yêu cầu cải cách tư pháp.

Thứ hai, làm rõ lý luận và thực tiễn về phương thức thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ cũng như những khó khăn, vướng mắc, bất cập cần phải giải quyết.

Thứ ba, xác định đặc điểm, nội dung quan hệ phối hợp giữa VKSND và Cơ quan điều tra và giữa VKSND với TAND trong điều tra, xét xử các vụ án hình sự nói chung và mối quan hệ phối hợp giữa VKSND với các cơ quan này trong đấu tranh phòng, chống các tội phạm về hối lộ nói riêng.

Thứ tư, khảo sát, nghiên cứu đánh giá thực trạng chức năng thực hành quyền công tố của VKSND đối với các tội phạm về hối lộ trong thời gian 2007 – 2016, tìm ra nguyên nhân kết quả đạt được và những hạn chế khắc phục.

Thứ năm, đề xuất giải pháp, kiến nghị nâng cao hiệu quả công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra và xét xử các tội phạm về hối lộ trong giai đoạn hiện nay và trong những năm sắp tới.

Kết luận Chương 1

Chương 1 đã tổng quan tình hình nghiên cứu tội phạm về hối lộ, chức năng thực hành quyền công tố của VKS/Viện Công tố trong điều tra và xét xử các tội phạm về hối lộ kết quả nghiên cứu của các công trình nước ngoài trong giai đoạn

xét xử các tội phạm hình sự nói chung và tội phạm về hối lộ nói riêng.

Kết quả nghiên cứu các công trình trong nước cho thấy vấn đề về đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng, chức vụ nói chung trong đó có tội phạm về hối lộ nói riêng cũng như vấn đề về chức năng thực hành quyền công tố trong điều tra và xét xử tội phạm về hối lộ luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và xã hội.

Kết quả nghiên cứu trong nước và nước ngoài của luận án là nguồn tài liệu hết sức hữu ích giúp cho tác giả của luận án tiếp tục nghiên cứu, đối chiếu với hệ thống lý luận về cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý về thực hành quyền công tố.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM VỀ HỐI LỘ

2.1 Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội phạm hối lộ

2.1.1. Khái niệm tội phạm hối lộ

Điều 277 BLHS năm 1999 (Điều 352 BLHS năm 2015): “*Là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ. Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương được giao thực hiện một số nhiệm vụ nhất định, có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ*”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2005 thì “*Tham nhũng là hành vi của những người có chức vụ và quyền hạn, đã lợi dụng chức vụ và quyền hạn đó để vụ lợi*”.

Trên cơ sở đó có thể đưa ra khái niệm về hối lộ và khái niệm về tội phạm về hối lộ như sau: “*Hối lộ là việc dùng lợi ích nào đó tác động đến người có chức vụ và quyền hạn để nhờ người đó làm điều trái pháp luật nhưng có lợi cho mình*”.

“*Tội phạm về hối lộ là hành vi do người có năng lực trách nhiệm thực hiện một cách cố ý bằng hình thức dùng lợi ích nào đó tác động đưa người có chức vụ quyền hạn làm điều trái pháp luật nhưng có lợi cho mình xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân*”.

2.1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm hối lộ

2.1.2.1 Khái quát quá trình hình thành và hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm hối lộ ở Việt Nam

Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến pháp điển hóa lần thứ nhất - BLHS Việt Nam năm 1985

Có các Văn bản sau: Sắc lệnh số 223/SL ngày 17/11/1946 quy định hướng dẫn các Tòa án trừng trị một số một số tội phạm liên quan đến tài sản; Sắc lệnh số 267/SL ngày 15/6/1956; Pháp lệnh ngày 21/10/1970 quy định về việc “Trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản công dân” Sắc lệnh số 03/SL, ngày 15/3/1976 quy định “Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn” và quy định tội “nhận và đưa hối lộ”; Nghị quyết hội nghị lần 06 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IV đã đề ra chủ trương “*Kiên quyết đấu tranh những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội nhất là tệ nạn ăn cắp, hối lộ ức hiếp quần chúng*”; Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980 ngày 20/5/1981, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh trừng trị tội hối lộ.

Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 đến Bộ luật hình sự năm 1999

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII đã thông qua BLHS và đã có hiệu lực ngày 01/01/1986. BLHS năm 1985 là bước tiến quan trọng trong lịch sử lập pháp hình sự ở nước ta. BLHS, có 20 Chương với 280 Điều. Tội nhận hối lộ được quy định tại Điều 226 và được sửa đổi, bổ sung 3 lần vào các năm: ngày 12/8/1991; ngày 22/12/1992 và ngày 10/5/1997.

Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đến Bộ luật hình sự năm 2015

Nhằm đáp ứng nhu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới, ngày 21/12/1999 tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa X đã thông qua BLHS năm 1999. BLHS năm 1999 đã thể chế hóa toàn diện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta, là công cụ sắc bén trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ chế độ Xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng của các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước. BLHS năm 1999, đã quy định các tội phạm về tham nhũng một cách cụ thể và chặt chẽ. Các tội phạm về tham nhũng được quy định ở Mục A trong Chương XXI gồm 7 Điều, từ Điều 278 đến Điều 284.

2.1.2.2. Những điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) về các tội hối lộ

BLHS năm 2015, mở rộng nội hàm “của hối lộ” tại các điều khoản liên quan

BLHS năm 2015 quy định ngoài lợi ích vật chất thì bổ sung “của hối lộ” có thể là “lợi ích phi vật chất” trong các tội nhận hối lộ, đưa hối lộ, môi giới hối lộ. Tức là ngoài lợi ích vật chất khác, thì các lợi ích phi vật chất như lợi ích tinh thần cho người thụ hưởng cũng xem là yếu tố cấu thành đối với các tội danh trên.

Để đáp ứng yêu cầu của Công ước, khoản 1 Điều 354 (tội nhận hối lộ) sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ yêu cầu này, cụ thể là: "Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn... nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác...". Điều 364 BLHS 2015 còn quy định một cách cụ thể hơn về cấu thành cơ bản của tội đưa hối lộ, đó là “Người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn bất kỳ lợi ích nào”. Tăng mức định lượng về giá trị tiền, tài sản tham ô, chiếm đoạt, của hối lộ

Theo quy định của Công ước về chống tham nhũng, chủ thể của các hành vi tham nhũng trước hết là “công chức” và khái niệm công chức trong phạm vi điều chỉnh của Công ước là tương đối toàn diện; theo quy định tại Điều 16 của Công ước. BLHS 2015 đã sửa đổi, bổ sung Điều 289 BLHS hiện hành về tội đưa hối lộ theo hướng chỉ rõ người nào đưa hoặc sẽ đưa hối lộ cho công chức nước ngoài, công chức làm việc tại các tổ chức quốc tế công thì cũng bị xử lý hình sự về tội đưa hối lộ (khoản 6 Điều 364)

Những điểm mới của BLHS năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2015) về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, hình phạt, miễn trách nhiệm hình sự.

Một là, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 27).

Ngoài việc vẫn giữ nguyên quy định không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại Chương XIII và các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh quy định tại Chương XXVI, khoản 3 Điều 28 còn bổ sung thêm hai tội khác vào các trường hợp không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự: Tội tham ô tài sản theo khoản 3 và khoản 4 Điều 353; Tội nhận hối lộ theo khoản 3 và khoản 4 Điều 354.

Hai là, hình phạt (Chương VI)

Chế tài đối với tội phạm về chức vụ hiện nay tương đối nghiêm khắc, loại hình phạt chủ yếu là tù, chỉ đối với 05 tội phạm có quy định hình phạt cải tạo không giam

giữ (các tội phạm quy định tại các Điều 281, 285, 286, 287 và 288). Do vậy, BLHS 2015 đã bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ tại khoản 1 của 14 điều luật quy định về tội phạm cụ thể của chương này. Đồng thời, BLHS 2015 cũng bổ sung quy định hình phạt tiền là hình phạt chính đối với 02 tội danh, đó là tội đưa hối lộ (Điều 364), tội môi giới hối lộ (Điều 365).

Nhằm hạn chế hình phạt tử hình, đồng thời khuyến khích người phạm tội tham những khắc phục hậu quả, nộp lại tiền cho Nhà nước, Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định “Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất 3/4 tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn” thì sẽ không thi hành án tử hình đối với người bị kết án và chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân.

Ba là, miễn trách nhiệm hình sự (Điều 29)

Trên cơ sở kế thừa Điều 25 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 29 BLHS năm 2015 được thiết kế lại theo hướng quy định cụ thể các trường hợp đương nhiên được miễn trách nhiệm hình sự (khoản 1) và các trường hợp có thể được miễn trách nhiệm hình sự (khoản 2). Thể hiện nguyên tắc nhân đạo, đồng thời tạo điều kiện cho công tác đấu tranh chống tội phạm hối lộ, BLHS năm 2015 quy định việc miễn trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ với hai điều kiện: Chủ động khai báo và người phạm tội đã khai báo trước khi hành vi phạm tội bị phát giác.

2.1.3. Dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm về hối lộ

Nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội. Do đó, đòi hỏi CQĐT, VKSND, TAND phải nắm vững các yếu tố cấu thành của từng tội phạm về hối lộ để định tội một cách chính xác, trên cơ sở đó áp dụng đúng đắn các điều luật của BLHS không để xảy ra trường hợp oan, sai trong điều tra, truy tố và xét xử.

2.1.3.1. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội nhận hối lộ (điều 279 BLHS)

Thứ nhất, khách thể của tội nhận hối lộ

Khách thể của tội nhận hối lộ là các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội nhận hối lộ xâm hại.

Đối tượng phạm tội của tội nhận hối lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 279 Bộ luật hình sự 1999 thì bao gồm: Tiền (Việt Nam đồng, ngoại tệ), tài sản (Vàng, bạc, đá quý, nhà cửa, các giấy tờ có mệnh giá khác...).

Thứ hai, mặt khách quan của tội nhận hối lộ

Mặt khách quan của tội nhận hối lộ là biểu hiện bên ngoài của tội phạm bao gồm hành vi khách quan nguy hiểm cho xã hội cũng như mối quan hệ của việc thực hiện tội phạm (công cụ, phương tiện, phương thức, thủ đoạn, thời gian, địa điểm phạm tội...) Đối với tội nhận hối lộ dấu hiệu khách quan là yếu tố đặc biệt quan trọng để xác định hành vi phạm tội cũng như để phân biệt tội nhận hối lộ với tội đưa hối lộ, môi giới hối lộ và các loại tội phạm khác được quy định trong BLHS.

Hành vi khách quan: Người phạm tội nhận hối lộ phải là người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ.

Mối quan hệ nhân quả. Nếu coi hành vi khách quan là nội dung biểu hiện thứ nhất và hậu quả nguy hiểm cho xã hội là nội dung biểu hiện thứ hai thì nội dung biểu hiện thứ ba của yếu tố mặt khách quan là mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm

cho xã hội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội, đây là mối quan hệ khách quan.

Chủ thể của tội nhận hối lộ

Chủ thể tội phạm nói chung như: Đạt độ tuổi nhất định, phải có năng lực trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 12, Điều 13 BLHS năm 1999. Tuy nhiên đối với tội nhận hối lộ chỉ có thể là những người sau đây:

Phải là người có chức vụ, quyền hạn nhưng khác với người có chức vụ quyền hạn của tội tham ô tài sản. Chủ thể của tội nhận hối lộ là chủ thể đặc biệt tức là chỉ có người có chức vụ, quyền hạn mới nhận hối lộ được.

Thứ tư, mặt chủ quan của tội phạm

Người phạm tội nhận hối lộ thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tức là họ nhận thức trước được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả và mong muốn hậu quả xảy ra. Mục đích nhận hối lộ của người phạm tội là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

2.1.3.2. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội đưa hối lộ (Điều 289 BLHS)

Thứ nhất, khách thể của tội phạm

Tội đưa hối lộ được quy định tại Điều 289 BLHS năm 1999 (Điều 364 BLHS năm 2015). Theo đó, đưa hối lộ trước hết là hành vi đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác (của hối lộ) dưới bất kỳ hình thức nào cho người có chức vụ quyền hạn để họ làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ.

Thứ hai, mặt khách quan của tội phạm

Khách quan của tội đưa hối lộ thể hiện ở chỗ người đưa hối lộ có thể trực tiếp đến cơ quan, gia đình hoặc bất kỳ địa điểm nào để đưa của hối lộ cho người nhận hối lộ hoặc qua trung gian như gửi tiền hối lộ qua thẻ ngân hàng, qua dịch vụ bưu điện...

Thứ ba, chủ thể của tội đưa hối lộ

Tội đưa hối lộ được quy định tại Điều 289 BLHS năm 1999 thuộc các tội phạm khác về chức vụ (Mục B. Chương XXI). Tuy nhiên chủ thể của tội đưa hối lộ lại không phải là chủ thể đặc biệt mà là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định theo quy định tại Điều 12, Điều 13 BLHS năm 1999

Bất kỳ ai bao gồm cả người có chức vụ, quyền hạn và người không có chức vụ, quyền hạn. Việc nhà làm luật quy định tội đưa hối lộ trong Chương XXI “Các tội phạm khác về chức vụ” là căn cứ vào khách thể của tội phạm chứ không căn cứ vào chủ thể của tội phạm. Người từ đủ 16 tuổi trở lên và người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ trở thành chủ thể của tội phạm trong trường hợp phạm tội quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 289 của BLHS năm 1999.

Thứ tư, mặt chủ quan của tội phạm đưa hối lộ

Tội đưa hối lộ được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp tức là người đưa hối lộ nhận thức được hành vi đưa hối lộ là nguy hiểm cho xã hội mong muốn đưa hối lộ cho người có chức vụ, quyền hạn, tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác để người này làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hay yêu cầu của mình. Động cơ phạm tội là vụ lợi.

2.1.3.3. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội môi giới hối lộ (Điều 290 BLHS 1999)

Môi giới hối lộ là hành vi làm trung gian giữa người đưa hối lộ và người nhận hối lộ để hai người này thực hiện được hành vi đưa và nhận hối lộ (nhận tiền hoặc tài sản của người đưa hối lộ và đưa cho người nhận).

Thứ nhất, khách thể của tội môi giới hối lộ: Tội làm môi giới hối lộ vừa là tội phạm dưới góc độ khoa học pháp lý hình sự nhưng vừa là nguyên nhân gây ra tệ nạn xã

hồi lộ dưới góc độ tội phạm học. Đều thuộc nhóm tội phạm về hồi lộ, do đó giống như tội phạm nhận hồi lộ và đưa hồi lộ bảo đảm cho sự hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước và tổ chức, xâm hại lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. *Thứ hai, mặt khách quan của tội phạm* Khách quan của tội làm môi giới hồi lộ thể hiện ở hành vi làm trung gian giữa người có chức vụ, quyền hạn và người đưa hồi lộ. Hành vi môi giới hồi lộ chỉ cấu thành tội phạm, nếu người môi giới nhận thức được hành vi của mình là để người đưa và người nhận trao đổi, thỏa thuận về việc đưa nhận hồi lộ. Nếu người làm trung gian hoàn toàn không nhận thức được hoặc biết được hai bên đã bàn bạc thỏa thuận về việc đưa nhận hồi lộ thì không phải chịu trách nhiệm. *Thứ ba, chủ thể của tội môi giới hồi lộ* Cũng như chủ thể của tội đưa hồi lộ, chủ thể của tội làm môi giới hồi lộ được quy định tại Điều 290 không phải là chủ thể đặc biệt mà là bất kỳ ai bao gồm cả người có chức vụ, quyền hạn và người bình thường đạt độ tuổi nhất định và có năng lực trách nhiệm hình sự. Người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội làm môi giới hồi lộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 290 BLHS năm 1999 vì đây là trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

Thứ tư, mặt chủ quan của tội môi giới hồi lộ

Chủ quan của tội phạm, tội môi giới hồi lộ được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp tức là người phạm tội thấy trước được hành vi môi giới của mình là nguy hiểm cho xã hội và mong muốn cho hậu quả xảy ra.

2.2. Cơ sở lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hồi lộ

2.2.1. Những vấn đề lý luận về công tố, quyền công tố và thực hành quyền công tố

2.2.1.1. Khái niệm về công tố

Công tố là hoạt động tố tụng của Nhà nước đối với các vụ án hình sự xâm hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích Công và Nhà nước nhân danh quyền lực công tố cáo công khai người phạm tội (buộc tội) và hình thức tư tố là hình thức tố tụng có vi phạm đến lợi ích riêng của cá nhân.

2.2.1.2. Khái niệm quyền công tố

Quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho VKS thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội nhằm truy tố, người phạm tội ra trước Tòa án để xét xử và thực hiện sự buộc tội người đó trước phiên tòa.

2.2.1.3. Khái niệm, đối tượng, phạm vi của thực hành quyền công tố

Điều 3 Luật tổ chức VKSND năm 2014 về "Chức năng thực hành quyền công tố của VKSND". Theo đó, thực hành quyền công tố là "Hoạt động của VKSND trong TTHS để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự". Khoản 1 Điều 23 Bộ luật TTHS năm 2003 thì VKS thực hành quyền công tố trong TTHS, quyết định việc truy tố người phạm tội ra trước Tòa án.

"Thực hành quyền công tố là hoạt động của VKSND nhân danh Nhà nước sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý theo quy định của pháp luật để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự".

2.2.1.4. Mối quan hệ giữa chức năng thực hành quyền công tố với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 107 Hiến pháp năm 2013, khoản 1 Điều 2 Luật tổ chức VKSND năm 2014, Điều 23 Bộ luật TTHS năm 2003 thì trong lĩnh vực TTHS, VKS thực hiện hai chức năng là chức năng thực hành quyền công tố và chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự.

2.2.2. Khái niệm, đối tượng, phạm vi của chức năng thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ

Khái niệm Hoạt động của VKSND khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ là nhằm mục đích bảo đảm cho mọi hành vi phạm tội về hối lộ phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử được kịp thời, nghiêm minh đúng người, đúng tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội; không để người nào bị khởi tố, bị bắt, bị giam giữ, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái pháp luật.

Đối tượng của hoạt động thực hành quyền công tố các vụ án về hối lộ.

Theo quy định tại Điều 3 luật tổ chức VKSND năm 2014 thì đối tượng của hoạt động thực hành quyền công tố đối với các vụ án về hối lộ là tội phạm nhận hối lộ, tội phạm đưa hối lộ, tội phạm môi giới hối lộ và người thực hiện hành vi nhận hối lộ, đưa hối lộ và môi giới hối lộ.

Phạm vi của chức năng thực hành quyền công tố

2.2.3. Pháp luật về thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ

Theo quy định tại các điều 112, 167, 169, 196, 217, 218 Bộ luật TTHS năm 2003 các Điều 165, 243, 246, 298, 320, 322 Bộ luật TTHS năm 2015 và Điều 3 luật Tổ chức VKSND

2.2.3.1. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố các tội phạm về hối lộ

Thứ nhất, thực hành quyền công tố trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố các tội phạm về hối lộ: Điều 103 Bộ luật TTHS năm 2013 (Điều 145, 146, 147 Bộ luật TTHS năm 2015), Điều 12, 13 Luật tổ chức VKSND năm 2014 và các điều 7, 8, 9, 11 Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT - BCA - BQP - BTC - BNN&PTNT - VKSND tối cao ngày 02/8/2013 " Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật TTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố".

Thứ hai, thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án đối với tội phạm về hối lộ.

Khởi tố vụ án về hối lộ trên cơ sở các quy định tại Điều 104, Điều 126, Điều 127 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 154, 179, 180 Bộ luật TTHS năm 2015), Điều 14, Điều 15 Luật tổ chức VKSND năm 2013; Thông tư liên tịch số 05/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 giữa VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa VKSND tối cao và Bộ Công an, Bộ Quốc phòng "Trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật TTHS năm 2003" (TTLT số 05).

2.2.3.2. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội phạm về hối lộ

Thứ nhất, thực hành quyền công tố trong việc khởi tố bị can

Thứ hai, thực hành quyền công tố trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn trong điều tra các tội phạm về hối lộ

Một là, thực hành quyền công tố trong việc bắt bị can phạm tội về hối lộ để tạm giam.

Thực tiễn điều tra các vụ án về hối lộ cho thấy, đa số các đối tượng phạm tội về hối lộ đặc biệt là những người có chức vụ, quyền hạn nhất định trong các cơ quan Nhà nước, có địa chỉ làm việc, nơi cư trú rõ ràng.

Hai là, thực hành quyền công tố trong việc áp dụng biện pháp bắt người phạm tội về hối lộ trong trường hợp khẩn cấp.

Trong quá trình điều tra vụ án về hối lộ khi xác định có một trong những căn cứ quy định tại điểm a, b, c, khoản 1 Điều 81 Bộ luật TTHS năm 2003 thì CQĐT, cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra lệnh bắt khẩn cấp. Theo quy định tại khoản 4 Điều 81 Bộ luật TTHS năm 2003; trong trường hợp khẩn cấp, trong thời hạn 12 giờ, Kiểm sát viên thụ lý vụ án kiểm tra các tài liệu, chứng cứ chứng minh tính có căn cứ của việc bắt khẩn cấp đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đối chiếu với các quy định tại khoản 1 Điều 81 Bộ luật TTHS năm 2003 và xử lý .

Ba là, thực hành quyền công tố trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, gia hạn tạm giữ trong điều tra các tội phạm về hối lộ.

Bốn là, thực hành quyền công tố trong việc áp dụng biện pháp tạm giam, gia hạn tạm giam trong điều tra các vụ án về hối lộ

Về tạm giam: Tạm giam áp dụng đối với các bị can phạm tội về hối lộ khi thuộc một trong các quy định tại khoản 1, 2 Điều 88 Bộ luật TTHS năm 2003.

Năm là, thực hành quyền công tố và áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác trong điều tra các tội phạm về hối lộ

Các biện pháp ngăn chặn khác bao gồm: Cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm.

Sáu là, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc hủy bỏ, thay đổi các biện pháp ngăn chặn trong điều tra các vụ án về hối lộ

Các vụ án về hối lộ thường có nhiều bị can thực hiện có tính chất, mức độ khác nhau, đặc biệt là vai trò của từng đối tượng cũng khác nhau do đó trong quá trình điều tra có thể kết quả điều tra thay đổi, đặc biệt là căn cứ về điều kiện áp dụng biện pháp ngăn chặn của từng đối tượng cũng có nhiều thay đổi. Chính vì vậy việc hủy bỏ, thay đổi biện pháp ngăn chặn thường xảy ra và được thực hiện như sau:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn được áp dụng khi có quyết định đình chỉ điều tra vụ án về hối lộ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 164 Bộ luật TTHS năm 2003. Khi hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn CQĐT phải trả tự do cho bị can.

Thứ ba, thực hành quyền công tố việc khám xét, thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện của CQĐT trong điều tra các vụ án về hối lộ.

Một là, đối với hoạt động khám xét.

Hai là, đối với hoạt động thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện của các đối tượng phạm tội về hối lộ.

Điều 144 Bộ luật TTHS năm 2003 thì khi cần thiết phải thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện thì CQĐT ra lệnh thu giữ. Lệnh này phải được VKS cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Khi nhận được hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn, Kiểm sát viên được phân công phải nghiên cứu lệnh thu giữ, căn cứ đề thu giữ, trường hợp lệnh thu giữ có căn cứ và hợp pháp thì báo cáo Viện trưởng ra quyết định phê chuẩn. Trường hợp hồ sơ chưa đủ tài liệu, chứng cứ thì báo cáo Viện trưởng ra bản yêu cầu CQĐT bổ sung để xét phê chuẩn.

Thứ tư, đề ra yêu cầu điều tra, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra.

Một là, đề ra yêu cầu điều tra.

Để thực hiện tất cả chức năng thực hành quyền công tố trong quá trình điều tra vụ án hình sự, Khoản 7 Điều 14 Luật tổ chức VKSND năm 2014 và Khoản 2 Điều 112 Bộ luật TTHS năm 2003 đều quy định khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều

tra, VKSND có quyền đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra. Đảm bảo các thủ tục tố tụng hoặc để làm rõ các tình tiết có liên quan đến những vấn đề cần chứng minh trong vụ án về hồi lộ theo quy định tại Điều 63 Bộ luật TTHS.

Hai là, tiến hành một số hoạt động điều tra.

Để đảm bảo không làm oan người vô tội, tại khoản 2 Điều 112 Bộ luật TTHS năm 2003 và khoản 7 Điều 114 Luật tổ chức VKSND năm 2014 quy định khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, VKS có quyền tiến hành một số hoạt động điều tra. Tuy nhiên, theo quy định tại các điều 131, 135, 137, 138, 153 Bộ luật TTHS năm 2003 thì VKS chỉ tiến hành một số hoạt động điều tra sau đây :

Hỏi cung bị can, trong trường hợp cần thiết như; Lấy lời khi người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Kiểm sát viên có quyền triệu tập để lấy lời khai; Kiểm sát viên có quyền tiến hành hoạt động đối chất, nhận dạng và thực nghiệm điều tra, nhưng phải thông báo cho Điều tra viên biết để phối hợp và biên bản các hoạt động điều tra do Kiểm sát viên lập phải lưu vào hồ sơ vụ án.

Thứ năm, VKSND trực tiếp khởi tố các tội phạm về hồi lộ.

Theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2003, thì khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm, CQĐT phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, để thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố bảo đảm không bỏ lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội, tại khoản 8 Luật tổ chức VKSND năm 2014 và khoản 2 Điều 112 Bộ luật TTHS năm 2003. *Trường hợp thứ nhất*, khi VKS nhận được quyết định không khởi tố vụ án về hồi lộ của CQĐT, thông qua hoạt động thực hành quyền công tố xác định quyết định không khởi tố của CQĐT là không có căn cứ và trái pháp luật do đó VKS làm văn bản yêu cầu CQĐT hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố vụ án nếu CQĐT không thực hiện thì VKS mới ra quyết định khởi tố vụ án về hồi lộ và trong thời hạn 24 giờ thì phải gửi cho CQĐT để tiến hành điều tra. *Trường hợp thứ hai* Khi xét xử vụ án về hồi lộ, Hội đồng xét xử phát hiện có dấu hiệu của tội phạm mới mà CQĐT chưa khởi tố nhưng Hội đồng xét xử không ra quyết định khởi tố mà làm văn bản yêu cầu VKS khởi tố.

2.2.2.3. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố tội phạm về hồi lộ

Điều 16 Luật tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 162 Bộ luật TTHS năm 2003, theo đó khi kết thúc điều tra vụ án về hồi lộ, CQĐT ra bản kết luận điều tra, trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày ra bản kết luận điều tra, CQĐT phải giao bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra cùng hồ sơ vụ án cho VKS cùng cấp.

2.2.2.4. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các tội phạm về hồi lộ

Thứ nhất, rút quyết định truy tố, theo quy định tại Điều 281 Bộ luật TTHS 2003 (Điều 285 Bộ luật TTHS năm 2015) nếu xét thấy có một trong các quy định tại Điều 107 Bộ luật TTHS 2003 về "Căn cứ không khởi tố vụ án hình sự" hoặc có căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 16 (tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm), Điều 25 BLHS 1999 về "Miễn trách nhiệm hình sự" và khoản 2 Điều 69 Bộ luật TTHS 2003

Thứ hai, xét hỏi xem xét vật chứng tại chỗ theo quy định tại Điều 207 Bộ luật TTHS 2003 thì khi xét hỏi từng người thì Chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó đến Thẩm phán, Kiểm sát viên, người bào chữa. Luận tội của Kiểm sát viên chỉ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa.

Thứ ba, tranh luận tại phiên tòa, việc tranh luận tại phiên tòa xét xử các vụ án về hối lộ là yêu cầu bắt buộc đối với Kiểm sát viên.

Kiểm sát viên phải chuẩn bị trước dự kiến các vấn đề cần tranh luận mà người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trình bày ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình thì Kiểm sát viên phải ghi lại những ý kiến đó. Trường hợp cần xem xét thêm chứng cứ, Hội đồng xét xử quyết định trở lại việc xét hỏi thì sau khi xét hỏi xong, Kiểm sát viên phải tiếp tục tranh luận.

Thứ tư, kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp oan sai, bị bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

Nếu phát hiện thấy bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án có vi phạm pháp luật, oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội thì Kiểm sát viên phải báo cáo ngay với Viện trưởng VKS cấp mình để kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Nếu quá thời hạn thì VKS cấp cao kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm.

2.3. Mọi quan hệ giữa Viện Kiểm sát nhân dân với Cơ quan điều tra và Tòa án nhân dân trong thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ

2.3.1. Mọi quan hệ giữa Viện Kiểm sát nhân dân và Cơ quan điều tra

Theo đó mọi quan hệ giữa VKSND với CQĐT trong điều tra vụ án về hối lộ vừa thể hiện mọi quan hệ biện chứng vừa thể hiện nét riêng biệt trong TTHS. *Thứ nhất*, mọi quan hệ phối hợp giữa VKSND với CQĐT. *Thứ hai*, mọi quan hệ chế ước giữa VKSND với CQĐT trong điều tra vụ án về hối lộ

2.3.2. Mọi quan hệ giữa Viện Kiểm sát nhân dân với Tòa án nhân dân trong xét xử sơ thẩm các tội phạm về hối lộ

Mọi quan hệ giữa VKSND với TAND trong xét xử sơ thẩm vụ án về hối lộ là mối quan hệ tồn tại một cách khách quan xuất phát từ yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này và từ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan và được quy định bằng các quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 (Bộ luật TTHS năm 2015) *Thứ nhất*, mọi quan hệ phối hợp giữa VKSND và TAND trong xét xử sơ thẩm các tội phạm về hối lộ; *Thứ hai*, quan hệ chế ước giữa VKSND và TAND trong xét xử sơ thẩm các tội phạm về hối lộ.

Quan hệ giữa VKSND với TAND trong xét xử sơ thẩm các tội phạm về hối lộ là nhằm thực hiện quyền công tố, kiểm sát xét xử của VKSND và quyền xét xử độc lập của Tòa án nhằm bảo đảm cho mỗi cơ quan hoạt động trong phạm vi quyền lực được giao và được thể hiện tập trung nhất là quyền yêu cầu, quyền kiến nghị, quyền kháng nghị khi phát hiện có vi phạm pháp luật khác nhau của Tòa án, VKSND không có quyền hủy bỏ, thay đổi các bản án, quyết định của Tòa án.

Kết luận Chương 2

Chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS để được ghi nhận trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 và được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức VKSND năm 2014, Bộ luật TTHS năm 2003, Bộ luật TTHS năm 2015, tuy nhiên cho đến nay chưa có một văn bản pháp luật nào giải thích vấn đề này. Với khái niệm công tố, các quy định của pháp luật về quyền công tố từ đó làm rõ những vấn đề liên quan đến chức năng thực hành quyền công tố về hối lộ; khai thác tính đặc thù của loại tội này là vừa có đặc điểm chung của tội phạm về tham nhũng - chức vụ vừa có đặc điểm riêng biệt của tội phạm hối lộ để

phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận về hoạt động của VKSND thuộc nội dung chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra và xét xử sơ thẩm đối với các vụ án về hối lộ.

Chương 3 **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ** **ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM VỀ HỐI LỘ Ở NƯỚC TA**

3.1. Diễn biến tình hình các tội phạm về hối lộ có ảnh hưởng và tác động đến công tác thực hành quyền công tố các tội phạm về hối lộ

3.1.1. Diễn biến tình hình tội phạm về tham nhũng và hối lộ đã được khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử từ năm 2007 đến năm 2016 trên địa bàn cả nước

Theo số liệu thống kê của Cục thống kê tội phạm VKSND tối cao thì trong 10 năm qua, kể từ năm 2007 đến năm 2016, trên địa bàn cả nước, tổng số 7 tội phạm quy định tại mục A "Các tội phạm về tham nhũng" trong đó có tội nhận hối lộ và tổng số 7 tội phạm quy định tại mục B "Các tội phạm khác về chức vụ" của BLHS năm 1999 trong đó có tội đưa hối lộ và tội làm môi giới hối lộ đã bị CQĐT khởi tố, VKSND truy tố và TAND đưa ra xét xử cụ thể như sau:

Thứ nhất, tổng số tội phạm về tham nhũng VKS truy tố và Tòa án đưa ra xét xử cụ thể như sau:

- Tội tham ô (Điều 278), CQĐT tiếp nhận 1652 tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 1469 vụ/2831 bị can VKS truy tố tổng cộng 1458 vụ/2818 bị can, Tòa án đã xét xử 1426 vụ/2767 bị cáo

- Tội nhận hối lộ (Điều 279), CQĐT đã tiếp nhận 465 tố giác, tin báo tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 360 vụ/889 bị can VKS truy tố 354 vụ/882 bị can, Tòa án đã xét xử 342 vụ/882 bị cáo

- Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280), CQĐT tiếp nhận 519 tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 508 vụ/1870 bị can; VKS truy tố 310 vụ/806 bị cáo; Tòa án đã xét xử 495 vụ/777 bị cáo

- Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281) VKS truy tố 498 vụ/1867 bị can; Tòa án đã xét xử 497 vụ/1836 bị cáo

- Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 282), CQĐT tiếp nhận 98 tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 89 vụ/201 bị can; VKS truy tố 87 vụ/147 bị can; Tòa án đã xét xử 87 vụ/197 bị cáo

- Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 283), CQĐT tiếp nhận 11 tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 9 vụ/15 bị can; VKS truy tố 9 vụ/15 bị can; Tòa án xét xử 9 vụ/15 bị can

- Tội giả mạo trong công tác (Điều 284), CQĐT tiếp nhận 109 tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 108 vụ/198 bị can; VKS truy tố 106 vụ/195 bị can; Tòa án xét xử 106 vụ/195 bị cáo

Thứ hai, tổng số các tội phạm khác về chức vụ do VKS truy tố và Tòa án đưa ra xét xử

- Tội thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 285), CQĐT tiếp nhận 158 tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 147 vụ/410 bị can; VKS truy tố 145 vụ/404 bị can; Tòa án đưa ra xét xử 141 vụ/394 bị cáo.

- Tội cố ý làm lộ bí mật công tác, tội chiếm đoạt mua bán hoặc hủy tài liệu mật công tác (Điều 286), CQĐT tiếp nhận 05 tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 02 vụ/05 bị can; VKS truy tố 2 vụ/ 5 bị can, Tòa án xét xử 2 vụ/5 bị cáo.

- Tội vô ý làm lộ bí mật công tác (Điều 287), không xảy ra vụ nào

- Tội đào nhiệm (Điều 288) không xảy ra vụ nào

- Tội đưa hối lộ (Điều 289), CQĐT tiếp nhận 306 tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 230 vụ/390 bị can; VKS truy tố 228 vụ/398 bị can; Tòa án đã xét xử 224 vụ/390 bị cáo

- Tội môi giới hối lộ (Điều 290), CQĐT tiếp nhận 42 tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 32 vụ/90 bị can; VKS truy tố 32 vụ/90 bị can; Tòa án đã xét xử 32 vụ/90 bị can

- Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi (Điều 291), CQĐT tiếp nhận 28 tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 24 vụ/33 bị can; VKS truy tố 24 vụ/33 bị can; Tòa án đã xét xử 24 vụ/33 bị cáo.

Như vậy, trong 10 năm qua, kể từ năm 2007 đến năm 2016, trên địa bàn cả nước, CQĐT tiếp nhận 3376 tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 3042 vụ/6785 bị can; VKS truy tố 3022 vụ/6796 bị can, TAND các cấp đã đưa ra xét xử 2.949 vụ/6.369 bị cáo phạm 7 tội về tham nhũng, trong đó VKS truy tố 354 vụ/898 bị can, Tòa án xét xử 342 vụ/882 bị cáo phạm tội nhận hối lộ, chiếm 11,6% số vụ và 13,85% về số bị cáo bị đưa ra xét xử.

Từ năm 2007 đến năm 2016, CQĐT tiếp nhận 539 tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã khởi tố 435 vụ/928 bị can, VKS truy tố 431 vụ/930 bị can, Tòa án xét xử 425 vụ/914 bị cáo phạm các tội phạm khác về chức vụ. Trong số 425 vụ/914 bị cáo bị TAND các cấp xét xử 7 tội về chức vụ có 224 vụ/390 bị cáo phạm tội đưa hối lộ, chiếm 52,71% số vụ và chiếm 42,67% số bị cáo bị đưa ra xét xử. Trong tổng số 425 vụ/914 bị cáo bị TAND các cấp đưa ra xét xử 7 tội về chức vụ có 24 vụ/90 bị cáo phạm tội làm môi giới hối lộ, chiếm 5,65% số vụ và chiếm 9,85% số bị cáo bị đưa ra xét xử.

Nếu so sánh tổng số vụ án và số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ trên tổng số 425 vụ/914 bị cáo phạm 7 tội về chức vụ thì cơ cấu tội phạm cụ thể là (356 vụ / 480 bị cáo) phạm tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ, chiếm 59,76 % số vụ và 52,52 % số bị cáo.

Về cơ cấu các tội phạm về hối lộ (tội nhận hối lộ, tội đưa hối lộ, tội môi giới hối lộ) so với các tội phạm về tham nhũng và các tội phạm khác về chức vụ. Trong 10 năm từ năm 2007 đến năm 2016, trên địa bàn cả nước VKS đã truy tố 3455 vụ/7728 bị can; Tòa án đã xét xử 3374 vụ/7283 bị cáo phạm tội về tham nhũng và phạm các tội phạm khác về chức vụ. Trong đó VKS truy tố 612 vụ/1386 bị can; Tòa án đã xét xử 598 vụ/1362 bị cáo phạm tội về hối lộ, chiếm 17,7% số vụ và chiếm 17,93% số bị can bị truy tố và chiếm 17,72% số vụ và chiếm 18,7% số bị cáo đã đưa ra xét xử.

3.1.2. Tác động của diễn biến tình hình tội phạm về hối lộ đối với hoạt động thực hiện chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân

Tội phạm về hối lộ xảy ra hầu hết các lĩnh vực đời sống xã hội. Các đối tượng phạm tội về hối lộ, đặc biệt là các đối tượng tội phạm nhận hối lộ là những người có chức vụ, quyền hạn đang giữ những cương vị công tác nhất định, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có quan hệ rộng.

3.2. Hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân đối với các tội phạm về hối lộ

3.2.1. Tình hình tổ chức bộ máy, biên chế của Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các tội phạm về hối lộ

Về biên chế: có 13.925 người, trong đó tại VKSND tối cao: 817 người, VKSND cấp tỉnh: 4.535 người; VKSND cấp huyện: 8573 người. Toàn ngành có 10.424 Kiểm sát viên, trong đó có 19 Kiểm sát viên VKSND Tối cao; 170 Kiểm sát viên cao cấp, 4039 Kiểm sát viên trung cấp, 6.215 Kiểm sát viên sơ cấp. Tổng số biên chế của các VKSND cấp huyện của 63 VKSND cấp tỉnh thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và xét xử các vụ án hình sự nói chung trong đó có các vụ án về hối lộ là 4956 người trong đó có 4168 Kiểm sát viên sơ cấp, 525 Kiểm tra viên và 263 chuyên viên. Tổng số biên chế các phòng thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra án kinh tế, tham nhũng và chức vụ của 63 VKSND cấp tỉnh có 504 người, trong đó có 315 Kiểm sát viên trung cấp, có 126 Kiểm sát viên sơ cấp, 41 Kiểm tra viên, 22 chuyên viên. Tổng biên chế của các Vụ nghiệp vụ VKSND tối cao được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án về hối lộ và các vụ án khác có liên quan gồm: Vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra án kinh tế có 29 người, trong đó có 01 Kiểm sát viên VKSND tối cao, 11 Kiểm sát viên cao cấp, 8 Kiểm sát viên trung cấp, 4 Kiểm sát sơ cấp, 3 Kiểm tra viên chính, 2 chuyên viên. Vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra án tham nhũng và chức vụ có 31 người, trong đó có 01 Kiểm sát viên VKSND tối cao, 12 Kiểm sát viên cao cấp, 07 Kiểm sát viên trung cấp, 05 kiểm sát viên sơ cấp, 03 kiểm tra viên chính, 03 chuyên viên. Vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra án an ninh có 21 người, trong đó có 01 kiểm sát viên VKSND tối cao, 7 Kiểm sát viên cấp cao, 6 Kiểm sát viên trung cấp, 2 Kiểm sát viên sơ cấp, 02 Kiểm tra viên chính, 01 Kiểm tra viên.

Về trình độ cán bộ, Kiểm sát viên, theo thống kê của vụ tổ chức cán bộ VKSND tối cao hiện nay có 100% Kiểm sát viên có trình độ Cử nhân luật trở lên; toàn ngành có 32 Tiến sĩ, 564 Thạc sĩ. Về trình độ lý luận chính trị; có 2648 người có trình độ Cử nhân chính trị hoặc Cao cấp lý luận chính trị; 5.612 người có trình độ Trung cấp chính trị.

Từ thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế như đã phân tích trên cho thấy hiện nay ở VKSND cấp huyện, VKSND cấp tỉnh và VKSND tối cao không có đội ngũ Kiểm sát viên chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố các tội phạm về hối lộ.

3.2.2. Tình hình thực hành quyền công tố các tội phạm về hối lộ

3.2.2.1. Thực hành quyền công tố trong khởi tố các tội phạm về hối lộ

Trong 10 năm qua, kể từ năm 2007 đến năm 2016, cơ quan điều tra đã khởi tố 360/889 bị can phạm tội nhân hối lộ; 230 vụ/390 bị can phạm tội đưa hối lộ; 30 vụ/90 bị can phạm tội làm môi giới hối lộ. Thông qua hoạt động thực hành quyền công tố của VKSND cho thấy việc khởi tố bị can của Cơ quan điều tra đều có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người đúng tội.

3.2.2.2. Thực tiễn công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố các tội phạm về hối lộ

- Về kết quả truy tố: VKS các cấp truy tố 614 vụ/1370 bị can phạm tội về hối lộ, Tòa án các cấp đã đưa ra xét xử 598 vụ/ 1328 bị cáo; chiếm 97,71% số vụ và chiếm 96,93% số bị cáo phạm tội về hối lộ.

- Về trả hồ sơ điều tra bổ sung: VKS trả hồ sơ cho CQĐT 3 vụ/ 8 bị can; lý do trả hồ sơ là do: Còn thiếu chứng cứ quan trọng mà VKS không thể tự mình bổ sung được.

Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung 4 vụ/ 10 bị cáo, lý do: Cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà Tòa án không thể bổ sung được tại phiên tòa. Tỷ lệ trả điều tra bổ sung là 1,14%

- Truy tố không đúng tội danh nhận hối lộ: 3 vụ/ 10 bị can.

- Truy tố oan người vô tội: 1 vụ/ 2 bị can.

- Chuyển CQĐT đình chỉ 1 vụ/ 2 bị can.

- Thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam đối với 56 bị can.

Nhìn chung, trong số 614 vụ/ 1370 bị can do VKS truy tố về các tội phạm hối lộ đều trong thời hạn truy tố theo quy định tại Điều 166 Bộ luật TTHS, không có trường hợp nào vi phạm thời hạn tố tụng.

3.2.2.3. Thực tiễn công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các tội phạm về hối lộ

Thực hành quyền công tố của VKSND mà trực tiếp là hoạt động của Kiểm sát viên VKSND trong xét xử sơ thẩm các vụ án về hối lộ trong những năm vừa qua luôn luôn được lãnh đạo VKSND các cấp quan tâm, chỉ đạo sâu sát, *Thứ nhất, giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm tội phạm về hối lộ; Thứ hai, hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các tội phạm về hối lộ; Thứ ba, hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên sau khi kết thúc phiên tòa.*

3.2.2.4. Nhận xét đánh giá công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các tội phạm về hối lộ

Những kết quả đạt được

Một là, xuất phát từ nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác thực hành quyền công tố trong điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các vụ án về hối lộ có liên quan; *Hai là*, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố có trách nhiệm, kiểm sát chặt chẽ hoạt động của CQĐT, Điều tra viên ngay từ khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, cho đến khi kết thúc điều tra, hỗ trợ Điều tra viên trong các hoạt động điều tra, kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật đề yêu cầu Điều tra viên khắc phục sửa chữa kịp thời. *Ba là*, khi thực hiện công tác thực hành quyền công tố, trong giai đoạn điều tra các vụ án về hối lộ, Kiểm sát viên luôn bám sát các hoạt động điều tra, xét xử vận dụng các phương thức kiểm sát phù hợp để phát hiện những mâu thuẫn. *Bốn là*, chú trọng xây dựng mối quan hệ giữa VKSND với CQĐT, giữa Kiểm sát viên và Điều tra viên, giữa VKSND với TAND,

Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế trong hoạt động thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ

- Nguyên nhân từ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo VKSND các cấp. Công tác thực hành quyền công tố của VKSND trong điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các vụ án về hối lộ là đấu tranh trực diện với những người đang giữ những chức vụ nhất định trong các cơ quan Nhà nước.

- Thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm cho thấy, trên thực tế hành vi phạm tội về hối lộ không thể tồn tại với tính chất là một tội phạm độc lập mà thường được thực hiện khi có những hành vi phạm tội khác kèm theo như tội vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, tội tham ô, tội thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

- Trình độ, năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như kinh nghiệm, bản lĩnh trong công tác của một bộ phận Kiểm sát viên còn hạn chế.

- Kiểm sát viên chưa chủ động phối hợp với Điều tra viên trong các hoạt động điều tra phát hiện thu thập được tài liệu chứng cứ, tinh thần trách nhiệm chưa cao.
- VKSND tối cao và VKSND các cấp chưa tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm về công tác thực hành quyền công tố đối với tội phạm về hối lộ.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về thực hành quyền công tố đối với loại tội phạm về hối lộ chưa được quan tâm đúng mức.

Kết luận Chương 3

Trên cơ sở phân tích diễn biến tình hình các tội phạm về hối lộ đã bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử trong 10 năm kể từ năm 2007 đến năm 2016, Luận án đã rút ra những đặc điểm hình sự đặc trưng của loại tội phạm này đã tác động và ảnh hưởng đến công tác thực hành quyền công tố của VKSND trong điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm.

Từ thực trạng thực hành quyền công tố của VKSND trong điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các tội phạm về hối lộ qua đó làm rõ những nội dung của công tác thực hành quyền công tố của VKSND trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm về hối lộ, kiến nghị khởi tố, khởi tố vụ án, khởi tố bị can; phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và các quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; đề ra yêu cầu điều tra, tiến hành một số hoạt động điều tra các tội phạm về hối lộ.

Chương 4

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM VỀ HỐI LỘ Ở NƯỚC TA

4.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành quyền công tố các tội phạm về hối lộ

Để bảo đảm công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng của CQĐT, VKSND, TAND đi đúng hướng và có hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống các tội phạm về hối lộ. Thực hiện tốt Chỉ thị số 48 – CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị “ Về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới”; Chỉ thị số 46 – CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị “ Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự trong tình hình mới”; Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2030 của Chính phủ, theo các hướng sau đây: Các cấp Ủy Đảng của VKSND có trách nhiệm tăng cường công tác giáo dục, chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho đội ngũ cán bộ Kiểm sát viên. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong việc bổ nhiệm, sắp xếp cán bộ

4.2. Tăng cường trách nhiệm, năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp đối với công tác thực hành quyền công tố các tội phạm về hối lộ

Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án về hối lộ là một trong những yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện chức năng của Ngành.

- Nghiên cứu xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy chế tổ chức, hoạt động VKSND các cấp và của đơn vị thuộc VKSND Trung ương và VKSND cấp tỉnh đảm bảo đúng các quy định của pháp luật, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Ngành.

- Xây dựng chương trình hoặc kế hoạch công tác cụ thể, trên cơ sở Chỉ thị công tác hàng năm của Viện trưởng VKSND tối cao, Kế hoạch công tác của VKS cấp

ting. Hoàn thiện hệ thống các tiêu chí (hệ chuẩn) như: Không bỏ lọt tội, không làm oan, sai; tỷ lệ trả hồ sơ điều tra bỏ sung dưới 3%;...

4.3. Kiện toàn công tác tổ chức, cán bộ làm công tác thực hành quyền công tố các tội phạm về hối lộ

4.3.1. Kiện toàn công tác tổ chức, cán bộ

Về bố trí, sắp xếp các đơn vị thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các tội phạm về hối lộ: Ở VKSND cấp huyện; VKSND cấp tỉnh; VKSND tối cao

4.3.2. Bồi dưỡng, đào tạo lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố các tội phạm về hối lộ

- Các Kiểm sát viên phải có ý thức tự học tập, nghiên cứu tài liệu nâng cao năng lực, trình độ của mình, kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật, nắm vững nội dung, tinh thần quy định của BLHS, Bộ luật TTHS, Luật Tổ chức VKSND và các Thông tư liên tịch của các cơ quan tư pháp trong quan hệ phối hợp thực hiện các quy định Bộ luật TTHS.

- Chú trọng, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp tại các cơ sở đào tạo của ngành. Đổi mới công tác giảng dạy, bồi dưỡng cán bộ trong Ngành. Tổng kết, bổ sung, hoàn thiện lý luận các tội phạm về hối lộ, xây dựng các chuyên đề nghiệp vụ như: rút kinh nghiệm hoạt động thực hành quyền công tố trong điều tra và xét xử các vụ án về hối lộ; yêu cầu điều tra vụ án về hối lộ.

4.4. Tăng cường công tác tổng kết kinh nghiệm và hướng dẫn nghiệp vụ công tác thực hành quyền công tố các tội phạm về hối lộ

VKSND các tỉnh cần phối hợp với CQĐT, TAND tổ chức những phiên tòa điển hình xét xử các vụ án về hối lộ bằng hình thức trực tuyến đến tất cả VKSND các cấp trong toàn ngành nhằm tuyên truyền và phổ biến kinh nghiệm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử loại án này đến tất cả đội ngũ Kiểm sát viên.

4.5. Triển khai thực hiện các đạo luật về tư pháp hình sự có liên quan đến hoạt động thực hiện chức năng thực hành quyền công tố

BLHS năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) bắt đầu có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2018 để bảo đảm sự phù hợp và đồng bộ giữa các văn bản pháp luật do đó ba đạo luật về tư pháp hình sự bao gồm: Bộ luật TTHS năm 2015, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015.

- Sửa đổi, bổ sung luật Tố cáo năm 2011 theo hướng quy định khuyến khích vật chất đối với người tố cáo hành vi tham nhũng theo tỉ lệ % số tiền tham nhũng được thu hồi và quy định cơ chế bảo đảm bí mật và bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

4.6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về hối lộ

Việc tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và các tội phạm về hối lộ là đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay và phù hợp với yêu cầu thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

4.7. Tăng cường mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các tội phạm về hối lộ

4.7.1. Nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ giữa Viện kiểm sát nhân dân với Cơ quan điều tra và Tòa án nhân dân

Thứ nhất, việc duy trì mối quan hệ và thực hiện tốt sự phối hợp trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm vụ án phải được mỗi Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán. *Thứ hai*, tăng cường quan hệ giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên trong việc đề ra yêu cầu điều tra bổ sung và thực hiện yêu cầu điều tra bổ sung. *Thứ ba*, để tăng cường quan hệ giữa hai cơ quan trong giai đoạn điều tra các tội phạm về hối lộ thì mỗi Kiểm sát viên, Điều tra viên, Thẩm phán phải nhận thức đúng đắn trách nhiệm và nghĩa vụ.

4.7.2. Đổi mới tổ chức, hoạt động của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân nhằm tăng cường sự phối hợp, chế ước trong khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử các tội phạm về hối lộ

Đổi mới tổ chức, hoạt động của CQĐT, VKS và TAND là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta

4.7.3. Xây dựng đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán chuyên trách; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm về hối lộ trong tình hình mới

Xây dựng đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán chuyên trách thực hiện chức năng, nhiệm vụ điều tra và thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án về hối lộ

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên về pháp luật nói chung, về mối quan hệ giữa VKSND với CQĐT và TAND là yêu cầu quan trọng trong việc thúc đẩy cải cách tư pháp và nâng cao chất lượng hoạt động trong mối quan hệ giữa VKSND với CQĐT và TAND trong giai đoạn điều tra, xét xử kết hợp tuyên truyền, giáo dục.

Kết luận Chương 4

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng Thực hành quyền công tố của VKSND các cấp trong điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các tội phạm về hối lộ trong 10 năm qua, tác giả luận án đề xuất như sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động thực hiện chức năng thực hành quyền công tố trong công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng nói chung và phòng chống tội phạm về hối lộ nói riêng.

Hai là, tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo điều hành đối với công tác thực hành quyền công tố trong khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử các tội phạm về hối lộ từ VKSND tối cao đến VKSND các địa phương.

Ba là, kiện toàn tổ chức, bộ máy, biên chế cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện chức năng thực hành quyền công tố trong khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử các tội phạm về hối lộ.

Bốn là, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về thực hành quyền công tố trong khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử các tội phạm về hối lộ.

KẾT LUẬN

Phòng, chống tội phạm về hối lộ đang là lò lửa được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta thực hiện: “cùi tươi cũng phải cháy”. Phòng, chống tội phạm về hối lộ đã và đang phát huy hiệu quả, đạt được ý Đảng, lòng dân. Tuy nhiên, tình hình loại tội phạm này hết sức phức tạp; tội phạm ẩn chưa được phát hiện, điều tra, xử lý còn nhiều gây bức xúc, lo lắng trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của Đảng và các cơ quan Nhà nước. Chức năng của VKSND đóng vai trò quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về hối lộ. Với đề tài “*Thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ ở nước ta hiện nay*”

Chương 1, tổng quan tình hình nghiên cứu, luận án đã trích dẫn và phân tích các công trình nghiên cứu, các bài viết, sách chuyên khảo, luận án tiến sĩ trong và ngoài nước có liên quan đến lĩnh vực thực hành quyền công tố và vị trí, vai trò của VKS/ Viện công tố ở Việt Nam và ở nước ngoài. Trên cơ sở đó đánh giá sơ bộ về giá trị tham khảo của các công trình trong nước và nước ngoài đồng thời xác định những vấn đề mà đề tài luận án tiếp tục đi sâu nghiên cứu.

Chương 2, luận án tập trung nghiên cứu phân tích những vấn đề lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ gồm: Khái niệm tội phạm về hối lộ; các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của từng tội phạm về hối lộ; khái niệm, đối tượng, phạm vi của chức năng thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ cũng như những nội dung thực hành quyền công tố bắt đầu kể từ khi tiếp nhận giải quyết tố giác, tin báo tội phạm về hối lộ và kiến nghị khởi tố cho đến khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Chương 3, luận án đánh giá thực trạng công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ ở nước ta trong những năm vừa qua, luận án đi sâu phân tích các đặc điểm hình sự của các tội phạm về hối lộ trên cơ sở diễn biến tình hình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm loại tội phạm này từ năm 2007 đến năm 2016 trên phạm vi cả nước từ đó rút ra ý nghĩa, tầm quan trọng của nghiên cứu đối với công tác thực hành quyền công tố của VKSND.

Chương 4, Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực trạng công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ, luận án đề xuất một số giải pháp cơ bản thuộc về nhận thức đúng đắn chức năng thực hành quyền công tố của VKSND đối với các tội phạm về hối lộ và các giải pháp bảo đảm cho hoạt động của VKSND nhằm tăng cường công tác thực hành quyền công tố của đối với các tội phạm về hối lộ trong thời gian tới.